

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **196/2023/DS-PT**
Ngày: 12/9/2023
V/v: “*Tranh chấp liên quan
đến tài sản bị cưỡng chế để
thi hành án theo quy định của
pháp luật về thi hành án*”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Hồng Hương

Các thẩm phán

Bà Phan Thị Thu Hương

Bà Nguyễn Thị Lệ Trang

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Huy Hoàng – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh
Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai: Ông La Minh Dũng –
Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 12 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử
phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 118/2023/TLPT-DS ngày
14 tháng 4 năm 2023 về việc: “*Tranh chấp liên quan đến tài sản bị cưỡng chế thi
hành án theo quy định của pháp luật về thi hành án*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 09/2023/DS-ST ngày 08/02/2023 của Tòa án
nhân dân thành phố Biên Hòa bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 184/2023/QĐPT-DS
ngày 14 tháng 7 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 454/2023/QĐ-PT giữa
các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Hoa N, sinh năm 1980. (vắng mặt)

Địa chỉ: khu phố X, phường Y, thị xã Q, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện theo ủy quyền của bà N: Ông Lê Lệnh T, sinh năm 1976.
(Theo Giấy ủy quyền ngày 12/01/2021 lập tại Văn phòng Công chứng I) (vắng
mặt)

Địa chỉ: khu phố X1, phường Y1, thành phố O, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Trần S, sinh năm 1977. (vắng mặt)

Địa chỉ: khu phố E, phường G, thành phố O, tỉnh Đồng Nai.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Trần Văn P, sinh năm 1966. (vắng mặt)
2. Cụ Trần Thị N1, sinh năm 1935. (vắng mặt)
3. Anh Nguyễn Trần T1, sinh năm 2005. (vắng mặt)
4. Bà Võ Thị T2, sinh năm 1970. (vắng mặt)
5. Chị Trần Thị Phương L. (vắng mặt)
6. Anh Trần Văn K. (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: khu phố E, phường G, thành phố O, tỉnh Đồng Nai.

7. Chi cục Thi hành án dân sự thành phố O, tỉnh Đồng Nai.

Địa chỉ: khu dân cư X2, phường Đ, thành phố O, tỉnh Đồng Nai. (Theo Văn bản ủy quyền số 126/2022/UQ-CCTHA ngày 26/10/2022)

Người đại diện theo pháp luật: Bà Lê Thị Mạnh H, sinh năm 1970. Chức vụ: Chi cục trưởng. (vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Đình T3, sinh năm 1979. Chức vụ: Chấp hành viên. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hoa N do ông Lê Lệnh T đại diện trình bày:

Theo Bản án số 05/2019/DS-ST, ngày 21/02/2019; Quyết định sửa chữa, bổ sung số 77/2019/QĐ-SCBSBA, ngày 26/8/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa; Bản án số 142/2019/DS-PT, ngày 19/9/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai, tuyên buộc ông Nguyễn Trần S có trách nhiệm thanh toán cho bà Nguyễn Thị Hoa N tổng số tiền 2.340.000.000 đồng và lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Do ông S không tự nguyện thi hành án, nên Chi cục Thi hành án dân sự thành phố O đã ra Quyết định kê biên tài sản là Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với thửa đất số 161, tờ bản đồ số 62, tọa lạc tại phường G, thành phố O, chủ sử dụng là ông Nguyễn Trần S cùng sử dụng chung với ông Trần Văn P theo GCN số CK 132784 và CK 132785 được Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai cấp ngày 25/10/2017 để thi hành án.

Căn cứ Điều 74 Luật Thi hành án dân sự (được sửa đổi, bổ sung năm 2014) về việc Xác định, phân chia, xử lý tài sản chung để thi hành án:

Trường hợp chưa xác định được phần quyền sở hữu tài sản, phần quyền sử dụng đất của người phải thi hành án trong khối tài sản chung để thi hành án thì Chấp hành viên phải thông báo cho người phải thi hành án và những người có quyền sở hữu chung đối với tài sản, quyền sử dụng đất biết để họ tự thỏa thuận phân chia tài sản chung hoặc yêu cầu Tòa án giải quyết theo thủ tục tố tụng dân sự.

Hết thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo mà các bên không có thỏa thuận hoặc thỏa thuận vi phạm quy định tại Điều 6 của Luật này hoặc thỏa thuận không được và không yêu cầu Tòa án giải quyết thì Chấp hành viên thông báo cho người được thi hành án có quyền yêu cầu Tòa án xác định phân quyền sở hữu tài sản, phân quyền sử dụng đất của người phải thi hành án trong khối tài sản chung theo thủ tục tố tụng dân sự.

Ngày 27/3/2020, Chấp hành viên Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố O ban hành Thông báo số 276/TB-CCTHADS về việc xác định quyền sở hữu, sử dụng đối với tài sản thi hành án đối với ông Nguyễn Trần S (là người phải thi hành án) và ông Trần Văn P (là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan) nhưng không ai khởi kiện theo thông báo nêu trên.

Ngày 28/12/2020, Chấp hành viên Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố O ban hành Thông báo số 96/TB-CCTHADS về việc xác định quyền sở hữu, sử dụng đối với tài sản thi hành án đối với bà Nguyễn Thị Hoa N (là người được thi hành án).

Bà Nguyễn Thị Hoa N khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa xác định phân quyền sở hữu tài sản, phân quyền sử dụng đất của người phải thi hành án trong khối tài sản chung theo thủ tục tố tụng dân sự của ông Nguyễn Trần S cùng sử dụng chung với ông Trần Văn P là Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với thửa đất số 161 tờ bản đồ số 62 tọa lạc tại phường G, thành phố O, theo GCN số CK 132784 và CK 132785 được Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai cấp ngày 25/10/2017 để thi hành án.

Về chi phí tố tụng: Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn ông Nguyễn Trần S trình bày:

Ông là người phải thi hành nghĩa vụ trả tiền 2.340.000.000 cho bà N theo Bản án đã tuyên. Ông là người đứng tên chủ sử dụng quyền sử dụng đất thửa 161, tờ bản đồ số 62 phường G cùng với anh ruột của ông là ông Trần Văn P. Hiện nay trên thửa đất này có 02 căn nhà cấp 4, đều thuộc sở hữu của ông P nhưng chưa được nhà nước công nhận quyền sở hữu; một căn nhà do ông, mẹ ông là bà Trần Thị N1 và con ông tên Nguyễn Trần T1 đang ở; căn thứ hai do ông P, vợ ông P là bà Võ Thị T2, 02 con của ông P tên Trần Thị Phương L và Trần Văn K đang ở. Tất cả nhà đất trên nguồn gốc là của ông P cho ông đứng tên và ở nhờ để lo cho mẹ già. Đối với yêu cầu khởi kiện của bà N ông có ý kiến sau (BL số 38).

Tại Biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 15/12/2022 ông S có ý kiến: Quyền sử dụng thửa đất số 161 tờ số 62 phường G và tài sản trên đất có nguồn gốc của mẹ ông cho ông và ông P, đây là tài sản chung nhưng bị vướng quy hoạch không tách thửa được. Nghĩa vụ trả tiền cho bà

N là nghĩa vụ riêng của ông, không liên quan đến gia đình ông, ông đề nghị nguyên đơn và ông ngồi lại thương lượng giải quyết (BL số 190).

Tại bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn P trình bày:

Nhà đất thừa 161 tờ bản đồ số 62 phường G trước đây do mẹ ông là bà Trần Thị N1 đứng tên, đến ngày 02/12/2016 bà N1 tặng cho lại toàn bộ cho ông. Sau đó để cho ông S an tâm nuôi mẹ, nên ông cho ông S đứng tên đồng sở hữu. Hiện nay nhà đất có ông, mẹ ông là bà N1, vợ ông là bà Võ Thị T2, ông S, con ông S tên Nguyễn Trần T1 đang ở, con ông tên Trần Phương L và Trần Quang K không ở đây.

Tại bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố O do ông Nguyễn Đình T3 đại diện trình bày:

Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố O đang thụ lý thi hành Bản án số 05A/2019/DSST, ngày 21/02/2019; Quyết định sửa chữa số 77/2019/QĐ-SCBSBA, ngày 26/8/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa; Bản án số 142/2019/DSPT, ngày 19/9/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai buộc ông Nguyễn Trần S có trách nhiệm thanh toán cho bà Nguyễn Thị Hoa N tổng số tiền 2.340.000.000 đồng và lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Do ông S không tự nguyện thi hành án, nên Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố O đã tiến hành xác minh tài sản của ông S và được biết ông S có đứng tên chung Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thừa đất số 161, tờ bản đồ số 62, tọa lạc tại phường G, thành phố O, chủ sử dụng là ông Nguyễn Trần S, cùng sử dụng chung với ông Trần Văn P, theo GCN số CK 132784 và CK 132785 được Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai cấp ngày 25/10/2017.

Do ông Nguyễn Trần S không còn tài sản nào khác có giá trị tại địa phương ngoài căn nhà và đất mà ông S và ông P đứng tên nêu trên. Vì ông Trần Văn P không phải là người phải thi hành án mà chỉ là người đồng sở hữu tài sản chung với ông Nguyễn Trần S.

Căn cứ Điều 74 Luật Thi hành án dân sự về xác định, phân chia, xử lý tài sản chung để thi hành án: Trường hợp chưa xác định được phần quyền sở hữu tài sản, phần quyền sử dụng đất của người phải thi hành án trong khối tài sản chung để thi hành án thì Chấp hành viên phải thông báo cho người phải thi hành án và những người có quyền sở hữu chung đối với tài sản, quyền sử dụng đất biết để họ tự thỏa thuận phân chia tài sản chung hoặc yêu cầu Tòa án giải quyết theo thủ tục tố tụng dân sự.

Vì vậy, Chấp hành viên Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố O đã thông báo về việc yêu cầu các đương sự được quyền khởi kiện ra tòa để xác định quyền sở hữu chung đối với tài sản, quyền sử dụng đất biết để họ tự thỏa thuận phân chia tài sản chung hoặc yêu cầu Tòa án giải quyết theo thủ tục tố tụng dân sự.

Nay bà Nguyễn Thị Hoa N đã làm đơn khởi kiện ra Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa và đã được Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa thụ lý giải quyết, Chấp hành viên Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố O yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa xét xử theo đúng quy định của pháp luật.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thông báo đưa cụ Trần Thị N1, bà Võ Thị T2 và các anh chị Nguyễn Trần T1, Trần Thị Phương L, Trần Văn K vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; tiến hành thủ tục niêm yết giấy triệu tập và các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng các đương sự nêu trên đều vắng mặt, do đó Tòa án không ghi nhận được ý kiến và không tiến hành hòa giải giữa các bên đương sự được; tại phiên tòa hôm nay vẫn vắng mặt.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2023/DS-ST ngày 08/02/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa tuyên xử:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 157; Điều 165; điểm a, b khoản 1 Điều 227, Điều 235, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ Điều 74 Luật Thi hành án Dân sự năm 2014;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26, điểm b khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Hoa N.

Xác định quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với thửa đất số 161 tờ bản đồ số 62 phường G, thành phố O, tỉnh Đồng Nai, theo Giấy chứng nhận số CK132784 (đứng tên ông Nguyễn Trần S) và CK 132785 (đứng tên ông Trần Văn P) do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai cấp cùng ngày 25/10/2017 là tài sản chung của ông Nguyễn Trần S và ông Trần Văn P, có tổng giá trị là 13.540.000.000 (mười ba tỷ năm trăm bốn mươi triệu) đồng; trong đó phần tài sản của ông Nguyễn Trần S là $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản, có số tiền là 6.770.000.000 (sáu tỷ bảy trăm bảy mươi triệu) đồng

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng, nghĩa vụ chậm trả, việc thi hành bản án và quyền kháng cáo của đương sự theo luật định.

Ngày 22/02/2023, bị đơn ông Nguyễn Trần S kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số *số 09/2023/DS-ST ngày 08/02/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa* đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

** Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai:*

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử tại phiên tòa, Thẩm phán chủ tọa và Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của pháp luật. Các đương sự tham gia phiên tòa thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định.

- Về việc giải quyết vụ án: Cấp sơ thẩm xác định tài sản riêng của ông S để đảm bảo việc thi hành án số tiền 2.340.000.000 đồng cho bà Nguyễn Thị Hoa N là có căn cứ. Ông S kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ mới. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Trần S. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 09/2023/DS-ST ngày 08/02/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Đơn kháng cáo của ông S làm trong thời hạn và nộp tạm ứng án phí phúc thẩm theo đúng quy định nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm. Tại phiên tòa phúc thẩm người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Lê Lệnh T, bị đơn ông Nguyễn Trần S, Người đại diện theo ủy quyền của Chi cục thi hành án dân sự thành phố O có đơn xin giải quyết vắng mặt. Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan gồm ông (bà) Trần Văn P; Trần Thị N1; Nguyễn Trần T1; Võ Thị T2; Trần Thị Phương L; Trần Văn K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự này theo quy định tại Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung kháng cáo: Bị đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Theo hồ sơ vụ án thể hiện: Ông Nguyễn Trần S là người phải thi hành án số tiền 2.340.000.000 đồng cho bà Nguyễn Thị Hoa N, theo Bản án số 05/2019/DS-ST, ngày 21/02/2019; Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án sơ thẩm số 77/2019/QĐ-SCBSBA, ngày 26/8/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa; Bản án số 142/2019/DS-PT, ngày 19/9/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

Do ông Nguyễn Trần S không tự nguyện thi hành án, ngày 14/01/2020 Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố O đã ra Quyết định số 24/QĐ-CCTHADS cưỡng chế kê biên quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thửa 161, tờ bản đồ số 62 tọa lạc tại phường G, thành phố O, tỉnh Đồng Nai, do ông Nguyễn Trần S và ông Trần Văn P đứng tên trên giấy chứng nhận số CK132784 và CK 132785 do

Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai cấp cùng ngày 25/10/2017. Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố O đã ra Thông báo số 276/TB- CCTHADS ngày 27/3/2020, thông báo cho người phải thi hành án và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Trần Văn P để thực hiện quyền thỏa thuận phân chia tài sản chung, khởi kiện tại Tòa án hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền giải quyết tranh chấp, nhưng ông S và ông P không khởi kiện. Đến ngày 28/12/2020, Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố O ra Thông báo số 96/TB- CCTHADS, thông báo cho bà Nguyễn Thị Hoa N là người được thi hành án để thực hiện quyền khởi kiện tại Tòa án theo quy định pháp luật.

Ngày 04/01/2021, bà N thực hiện quyền khởi kiện, yêu cầu Tòa án xác định phần quyền sở hữu tài sản, phần quyền sử dụng đất của người phải thi hành án là ông Nguyễn Trần S trong khối tài sản chung chung với ông Trần Văn P là Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với thửa đất số 161, tờ bản đồ số 62, tọa lạc tại phường G, thành phố O, theo GCN số CK 132784 và CK 132785 được Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai cấp ngày 25/10/2017 để thi hành án.

Xét thấy: Nguồn gốc nhà đất thửa 161, tờ bản đồ số 62 phường G, thành phố O, tỉnh Đồng Nai được nhà nước cấp cho cụ Trần Thị N1 (là mẹ của ông Nguyễn Trần S và ông Trần Văn P), có diện tích được công nhận là 770,6m², hình thức sử dụng: Sử dụng chung; trên đất có Nhà ở riêng lẻ, cấp 4, diện tích 63m², hình thức sử dụng: Sử dụng chung theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BK 379452 do Ủy ban nhân dân thành phố O cấp ngày 28/8/2012. Ngày 23/11/2016 cụ N1 tặng cho toàn bộ nhà đất này cho ông Trần Văn P, theo Hợp đồng tặng cho lập tại Văn phòng Công chứng M, được Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai-Chi nhánh O cập nhập biến động đứng tên ông P ngày 02/12/2016. Ngày 28/9/2017, ông P tặng cho ½ quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở cho ông Nguyễn Trần S, theo Hợp đồng tặng cho lập tại Văn phòng Công chứng M. Ngày 25/10/2017, ông S và ông P được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CK132784 (đứng tên ông S) và CK 132785 (đứng tên ông P) cùng sử dụng, 02 giấy chứng nhận. Do vậy ông S không thừa nhận quyền sử dụng đất nêu trên là tài sản chung của ông và ông P là không đúng. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở.

Mặc dù Tòa án cấp sơ thẩm không tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ; đo vẽ hiện trạng nhà đất thửa 161 tờ bản đồ số 62 này được do bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan sống trên đất không hợp tác, không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì về việc xác định phần quyền của mình đối với nhà đất. Tuy nhiên căn cứ vào Trích lục và Biên vẽ thửa đất bản đồ địa chính số 3063/2022, ngày

11/5/2022 của Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai-Chi nhánh O để xác định hình thể đất; Căn cứ vào Chứng thư thẩm định giá số 143/2022/TĐG-CT, ngày 03/11/2022 của Công ty CP Thẩm định giá M1 để xác định giá trị quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, đồng thời Tòa án cũng tiến hành xác minh với Ủy ban nhân dân phường G, thành phố O để xác định hiện trạng tài sản trên đất (bản xác minh lập ngày 15/6/2021) đủ căn cứ để xác định phần quyền sử dụng đất, phần quyền sở hữu tài sản của ông S bằng $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản chung là 6.770.000.000 đồng (sáu tỉ bảy trăm bảy mươi triệu đồng) trong tổng giá trị chung 13.540.000.000 của nhà đất tại thửa 161 tờ bản đồ số 62 phường G, thành phố O, tỉnh Đồng Nai. Ông S kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu chứng cứ mới để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình. Do vậy không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của ông S.

Từ những nhận định trên xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Hoa N về việc “*Tranh chấp liên quan đến tài sản bị cưỡng chế thi hành án theo quy định của pháp luật về thi hành án*” là có căn cứ đúng quy định pháp luật.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông S phải chịu án phí phúc thẩm

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Trần S, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 09/2023/DS-ST ngày 08/02/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa

- Căn cứ vào khoản 12 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 157; Điều 165; điểm a, b khoản 1 Điều 227, Điều 235, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ Điều 74 Luật Thi hành án Dân sự năm 2014;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26, điểm b khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Hoa N.

Xác định quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với thửa đất số 161 tờ bản đồ số 62 phường G, thành phố O, tỉnh Đồng Nai, theo Giấy chứng nhận số CK132784 (đứng tên ông Nguyễn Trần S) và CK 132785 (đứng tên ông Trần Văn P) do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai cấp cùng ngày

25/10/2017 là tài sản chung của ông Nguyễn Trần S và ông Trần Văn P, có tổng giá trị là 13.540.000.000 (mười ba tỷ năm trăm bốn mươi triệu) đồng; trong đó phần tài sản của ông Nguyễn Trần S là $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản, có số tiền là 6.770.000.000 (sáu tỷ bảy trăm bảy mươi triệu) đồng.

2. Về chi phí tố tụng:

Buộc ông Nguyễn Trần S phải thanh toán cho bà Nguyễn Thị Hoa N số tiền là 97.185.054 (chín mươi bảy triệu một trăm tám mươi lăm nghìn không trăm năm mươi bốn) đồng.

3. Về trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ thi hành án:

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi bên có nghĩa vụ thi hành xong nghĩa vụ trả tiền, trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về án phí:

Ông Nguyễn Trần S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 114.770.000 (một trăm mười bốn triệu bảy trăm bảy mươi nghìn) đồng.

Trả lại cho bà Nguyễn Thị Hoa N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0009754, ngày 06/01/2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố O.

Ông Nguyễn Trần S phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự phúc thẩm được trừ vào số tiền ông S đã nộp tại biên lai thu số 0006643 ngày 06/3/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố O. (ông S đã nộp xong).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Các nội dung khác của bản án sơ thẩm đã có hiệu lực pháp luật.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Chi cục THADS TP.O
- TAND TP.Biên Hòa
- Các đương sự.
- Lưu HS, VP.

(đã ký)

Lê Hồng Hương

